TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

- *Thư ký ghi biên bản*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1992; cư trú: Tổ 8, ấp H, Thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 2002; cư trú: Tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: 8/9 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng ông Nguyễn Hồng P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà H là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Bà H có tình cảm với người khác, thường xuyên liên hệ qua điện thoại khiến cho vợ chồng luôn cự cãi, bà còn dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến ông và gia đình. T càm vợ chồng không còn như trước, bà H bỏ nhà đi từ tháng 01/2024 nên vợ chồng ông bà ly thân cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà H .

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 13/4/2021, hiện con chung đang sống với ông P. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Điều kiện kinh tế: Hiện nay ông làm phụ xe tải giao hàng, thu nhập khoảng 6 – 9 triệu đồng/tháng.

Điều kiện chăm sóc con: Con từ khi sinh ra được ông cùng gia đình chăm sóc, nuôi dạy. Vào tháng 01/2024, bà H bỏ đi có yêu cầu đưa con theo để nuôi dạy nhưng ông và gia đình không đồng ý, vì tại thời điểm đó bà H không có việc làm và thường xuyên ăn nhậu không quan tâm chăm lo cho con, thậm chí đêm con quấy khóc không ngủ được bà còn đánh con rồi cự cãi với chồng.

Điều kiện sinh hoạt: Con chung được đi học tại mẫu giáo tại thị trấn A. Từ khi bỏ đi đến nay, bà H không liên lạc để hỏi thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà H.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà H theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà H và ông P để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 08/5/2024 tại Công xã V thể hiện bà H vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách, chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T1 - mẹ ruột của ông P cho biết hôn nhân của ông P và bà H đúng như lời ông P trình bày. Nguyên nhân ông P xin ly hôn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà H thường xuyên ăn nhậu không chăm cho con và gia đình, ông P lên tiếng khuyên ngăn thì hai vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã, bà H còn dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến gia đình bà, thậm chí đêm con nhỏ quấy khóc không ngủ được bà H cũng đánh con và cự cãi với chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà H bỏ nhà đi từ tháng 01/2024 đến nay. Gia đình bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Ông bà có 01 con chung hiện nay đang sống cùng ông P và gia đình bà. Từ khi bà H bỏ đi đến nay con chung do một mình ông P và gia đình bà chăm sóc, nuôi dạy, bà H không liên hệ để thăm nom con.

Nay ông P nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông P vắng mặt có đơn, riêng bà H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông P chung sống với bà H đến đầu năm 2024 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H hiện có địa chỉ đăng ký thường trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hồng P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông P và bà H xây dựng gia đình dựa trên tự tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 10/02/2022 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông P vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà H. Tại phiên hòa giải, ông P yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông P và bà H chỉ khoảng tháng 01/2024 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Ông P cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gia đình không hàn hắn được nên để ông bà tự giải quyết. Lời trình bày trên phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án.

Trong quá trình tố tụng, bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, bà cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía ông P cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc ông P trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông P và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 13/4/2021, hiện con chung đang sống với ông P và gia đình. Khi ly hôn ông P yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của ông P về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng mà bà H đã bỏ lại con cho gia đình ông P nuôi dưỡng từ tháng 01/2024, cũng không liên hệ thăm nom, hỗ trợ nuôi con từ đó cho đến nay. Mặc dù, theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi…", nhưng bà H đã bỏ đi và không nuôi cháu từ khi cháu chưa đủ 36 tháng tuổi đến nay. Hiện tại, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông P cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; nếu giao cháu H1 cho bà H nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng tới sự phát triển bình thường và tâm sinh lý của cháu sau này.

Vì vậy, căn cứ theo Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong trường hợp người mẹ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con và đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu H1 đã đủ 36 tháng tuổi nên giao con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Án lệ số 54/2022/AL;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng P được ly hôn với bà Phan Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hồng P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 13/4/2021. Công nhận tự nguyện của ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu số 0009404 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông P nộp đủ).

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2024), các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.